TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày:21/6/2019
V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Trung Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Duy Phước

2. Bà Võ Thị Trúc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa*: Ông Lê Minh Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 "*V/v tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXX-ST ngày 09/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị U, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Thôn A , xã C , thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Bà U có mặt

Bị đơn: Ông Nguyễn Công V, sinh năm 1971 và bà Đặng Thị H, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

Ông V, bà H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời khai tại tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị U trình bày: Vì chỗ hàng xóm thân thiết với nhau nên vợ chồng ông V bà H có đặt vấn đề hỏi bà U để mượn số tiền 15.000.000đ cụ thể như sau: Lần thứ nhất, vào ngày 12/7/2018 nhằm vào ngày 29/5/2018 (Âm lịch) bà H mượn số tiền 2.000.000đ, bà H viết giấy mượn tiền và hẹn sẽ trả trong 2 tháng. Lần thứ hai, vào ngày 14/6/2018 (Âm lịch) ông V mượn số tiền 10.000.000đ, ông V viết giấy mượn tiền và hẹn sẽ trả trong thời hạn 3 tháng. Sau đó, vào ngày 10/7/2018 (Âm lịch) bà H mượn tiếp 3.000.000đ, bà H viết giấy mượn tiền và ký xác nhận. Đến hạn trả nợ, bà U nhiều lần đòi nhưng ông V, bà H không trả. Sau đó có trả cho bà Út 1.000.000đ, tại phiên tòa hôm nay, bà U

chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà H phải trả số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) và không yêu cầu khoản lãi.

Bị đơn ông V và bà H, có lời khai trong hồ sơ vào ngày 14/12/2018 như sau: Vợ chồng ông V, bà H có mượn của bà Đỗ Thị U 12.000.000đ. Còn số tiền 3.000.000đ, ông V bà H đã trả cho bà U rồi nhưng chưa lấy lại giấy mượn tiền đã viết cho bà U. Trong số tiền 12.000.000đ ông V, bà H nợ của bà U thì ngày 06/9/2018 (Âm lịch) ông V bà H đã trả tiếp cho bà U số tiền 1.000.000đ nữa. Ông V bà H thừa nhận hiện chỉ còn nợ bà U số tiền 11.000.000đ và sẽ hẹn trả cho bà U vào ngày 30/11/2018 (Âm lịch). Trong các lần mượn tiền ông V, bà H đã viết giấy mượn tiền và ký xác nhận (Ông V xác nhận vào giấy mượn tiền với số tiền 10.000.000đ, các giấy mượn tiền còn lại bà H ký xác nhận).

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng Tòa án nhân dân thị xã A đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu như sau: Tại phiên tòa bà U chỉ yêu cầu ông V bà H trả số tiền 14.000.000đ gốc đã vay, bà U không yêu cầu khoản lãi. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn ông V, bà H phải có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị U số tiền còn nợ là 14.000.000đ. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; xem xét ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị U khởi kiện ông Nguyễn Công V và bà Đặng Thị H, trú tại Thôn A, xã C, thị xã A, tỉnh Gia Lai, để yêu cầu phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý giải quyết vụ án dân sự nói trên là đúng thẩm quyền.

[2]. Về áp dụng pháp luật: Các bên đương sự đã xác lập giao dịch dân sự sau ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa bà U yêu cầu ông V bà H phải trả số tiền đã vay ba lần tổng cộng là 14.000.000đ. Ông V bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản khai ngày 14/12/2018, ông V và bà H thừa nhận khi vay tiền có viết các giấy mượn tiền và ông V bà H ký xác nhận vào ba giấy mượn tiền (Ông V ký giấy mượn tiền với số tiền 10.000.000đ còn giấy mượn tiền với số tiền 2.000.000đ và 3.000.000đ là do bà H ký xác nhận). Ông V bà H cho rằng đã trả cho bà U số tiền 3.000.000đ nhưng bà U chưa trả lại giấy mượn tiền mà ông bà đã viết. Còn nợ lại bà U 12.000.000đ nhưng vào ngày 06/9/2018 (Âm lịch) ông bà đã trả

cho bà U số tiền 1.000.000đ. Ông V bà H chỉ thừa nhận còn nợ bà U số tiền 11.000.000đ và hẹn sẽ trả vào ngày 30/11/2018 (Âm lịch). Ngày 04/01/2019 Tòa án thị xã A đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là sự thật nhưng bị đơn không cung cấp chứng cứ nào cho Tòa án theo yêu cầu. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn ông V bà H đến để hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của bị đơn là sự thật. Vì thế, lời khai của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa bà U thừa nhận khi đến hạn trả nợ bà U đòi nhiều lần thì ông V bà H có trả 1.000.000đ, số còn lại 14.000.000đ hẹn mãi nhưng không trả. Tại phiên tòa hôm nay, bà U chỉ yêu cầu ông V bà H trả số tiền còn nợ là 14.000.000đ, không yêu cầu khoản lãi phát sinh. Đối chiếu lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xác định lời khai của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, buộc bị đơn ông V bà H phải có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền gốc còn nợ là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*), là phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4]. Khi vay tiền của bà U, ông V bà H là vợ chồng, trong các "Giấy mượn tiền" ông V ghi mục đích là "Công việc gia đình". Hơn nữa, trong bản khai ngày 14/12/2018, ông V và bà H đều thừa nhận "*Vợ chồng tôi có mượn của bà Đỗ Thị U…số tiền…*". Xét, việc vợ chồng ông V bà H vay tiền của bà U để phục vụ chung cho gia đình nên ông V bà H có trách nhiệm liên đới của vợ chồng theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[5]. Về khoản lãi phát sinh. Tại phiên Tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi của số tiền trên mà chỉ yêu cầu phía bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ là 14.000.000đ. Xét, lời trình bày của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét khoản tiền lãi phát sinh.

[6]. Về án phí: Mức án phí có giá ngạch trong vụ án là 5% của giá trị tranh chấp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền được Tòa án chấp nhận là 14.000.000đ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với sô tiền là 700.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị U.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Công V, bà Đặng Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị U, số tiền còn nợ là 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất theo các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp không thỏa thuận được thì mức lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Công V, bà Đặng Thị H phải nộp số tiền là 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Đỗ Thị U số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 375.000đ *(Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* theo biên lai số: 0007167 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trung Toàn